

Biến tần vector với nhiều chức năng cao cấp

- Điều khiển vector vòng kín với mô đun PG cắm thêm.
- Mô men khởi động lớn, cho phép 200% ở tần số 0.3Hz
- Có chức năng điều khiển PID
- Chức năng dừng khẩn cấp (tác động nhanh)
- Tích hợp mô đun phanh với loại 22kW trở xuống
- Chức năng truyền thông RS-485 (chuẩn MODBUS)
- Khối đấu nối dây tín hiệu có thể tháo rời được
- Chức năng lọc nhiễu và lọc sóng hài nguồn đầu vào
- Tương thích với các tiêu chuẩn RoHS, CE, UL/cUL



Thông tin đặt hàng

Loại điện áp	Mức độ bảo vệ	Công suất động cơ tối đa	Model
Loại 3 pha điện áp 200 V	Loại lắp trên tường (tương đương IP20)	5,5 KW	3G3RX-A2055
		7,5 KW	3G3RX-A2075
		11,0 KW	3G3RX-A2110
		15,0 KW	3G3RX-A2150
		18,5 KW	3G3RX-A2185
		22,0 KW	3G3RX-A2220
		30,0 KW	3G3RX-A2300
		37,0 KW	3G3RX-A2370
		45,0 KW	3G3RX-A2450
		55,0 KW	3G3RX-A2550
Loại 3 pha điện áp 400 V		5,5 KW	3G3RX-A4055
		7,5 KW	3G3RX-A4075
		11,0 KW	3G3RX-A4110
		15,0 KW	3G3RX-A4150
		18,5 KW	3G3RX-A4185
		22,0 KW	3G3RX-A4220
		30,0 KW	3G3RX-A4300
		37,0 KW	3G3RX-A4370
		45,0 KW	3G3RX-A4450
		55,0 KW	3G3RX-A4550

Giải thích số Model

3G3RX-x x x x x
1 2 3

1. Cấp độ bảo vệ
A: Loại lắp vào thanh gá (IP20 hoặc cao hơn)/ Loại lắp trên tường
2. Loại điện áp
2: Điện 3 pha 200V AC (Loại 200-V)
- 4: Điện 3 pha 400V AC (Loại 400-V)
3. Công suất động cơ tối đa

055:	5,5 kW
075:	7,5 kW
110:	11,0 kW
150:	15,0 kW
185:	18,5 kW
220:	22,0 kW
300:	30,0 kW
370:	37,0 kW
450:	45,0 kW
550:	55,0 kW

Đặc tính kỹ thuật

▪ Các model điện 200 VAC

Model 3G3RX-		A2055	A2075	A2110	A2150	A2185	A2220	A2300	A2370	A2450	A2550
Điện nguồn	Điện áp danh định và tần số	3 pha 200 đến 240V tại 50/60Hz									
	Dao động điện áp cho phép	-15% đến 10%									
	Dao động tần số cho phép	± 5%									
Trọng lượng (kg)		6	6	6	14	14	14	22	30	30	30
Phương thức làm mát		Có quạt làm mát									
Công suất động cơ tối đa (kW)		5,5	7,5	11	15	18,5	22	30	37	45	55
Đặc tính của đầu ra	Công suất đầu ra danh định (kVA)	8,3	11,0	15,9	22,1	26,3	32,9	41,9	50,2	63,0	76,2
	Dòng danh định đầu ra (A)	24	32	46	64	76	95	121	145	182	220
	Điện áp danh định đầu ra (V)	3 pha 200 đến 240V AC									
	Tần số tối đa đầu ra	400 Hz đặt thông số									
Đặc điểm điều khiển	Bộ lọc tích hợp	Phương pháp lọc mịn sóng điều hòa (Zero-phase reactor)									
	Phương thức điều khiển	Điều chế sóng sin bằng độ rộng xung (PWM)									
	Tần số mang	0.5 – 15kHz									
	Dải kiểm soát tần số	0,1 đến 400 Hz									
	Độ chính xác của tần số	Các lệnh digital : ±0,01% Các lệnh analog: ±0,2% (25 ± 10°C)									
	Độ phân dải của phép đặt tần số	Các lệnh digital: 0,1Hz (nhỏ hơn 100Hz) và 1Hz (100Hz hoặc lớn hơn) Các lệnh analog: 0,06 Hz/ 60Hz (tương đương 1/1000)									
	Độ phân giải của tần số đầu ra	0,01 Hz (độ phân giải dự tính)									
	Công suất quá tải (quá dòng)	150% của dòng đầu ra danh định trong 1 phút									
	Tín hiệu đặt tần số bên ngoài	0 đến 10V và -10V đến + 10V (2kΩ) hoặc 4 đến 20mA (250 Ω) và truyền thông RS-485									
	Thời gian gia tốc / giảm tốc	0,01 đến 3600s (các phép đặt thời gian gia tốc và thời gian giảm tốc độc lập)									
Phanh hãm	Tích hợp điện trở phanh							Phải nối điện trở ngoài			
Đặc tính điện áp/ tần số	Thay đổi theo kiểu điều khiển (V/F, Sensor-less Vector control.....)										
Các chức năng bảo vệ	Bảo vệ động cơ	Bảo vệ dòng tải động cơ.									
	Bảo vệ quá dòng tức thời	Dừng ở xấp xỉ 250% của dòng đầu ra danh định									
	Bảo vệ quá tải	Dừng trong 1 phút tại mức xấp xỉ 150% điện áp đầu ra danh định									
	Bảo vệ vượt quá điện áp	Dừng khi điện áp DC của mạch chính xấp xỉ 410V									
	Bảo vệ khi không đủ điện áp	Dừng khi điện áp DC của mạch chính xấp xỉ 200V									
	Bù ngắt điện tạm thời (chọn)	Dừng 15ms hoặc lâu hơn. nếu đặt biến tần ở chế độ ngắt điện tạm thời thì biến tần sẽ tiếp tục hoạt động trong vòng 0,5s nếu điện được cấp lại.									
	Quá nhiệt cánh toả nhiệt	Phát hiện tại 110 ± 10°C									
	Bảo vệ tiếp đất	Bảo vệ ở mức bảo vệ quá dòng									
	Đèn báo nạp	Đèn này sẽ sáng khi điện áp DC của mạch chính đạt xấp xỉ 50V									
Môi trường	Vị trí	Trong nhà (không có khí ăn mòn, bụi dầu, hoặc bụi kim loại)									
	Nhiệt độ bên ngoài	Hoạt động: -10 đến 50°C									
	Độ ẩm bên ngoài	Hoạt động: tối đa 95% (không bị bám hơi nước)									
	Nhiệt độ bên ngoài	-20 đến 60°C									
	Độ cao so với mặt nước biển	Tối đa 1000 m									
	Điện trở cách ly	Tối thiểu 5MΩ (Không được thực hiện các phép thử điện trở cách ly hoặc điện áp chịu)									
Chịu rung	Tối đa 9,8 m/s ² giữa 10 đến 20 Hz Tối đa 2,0 m/s ² giữa 20 và 50 Hz										
Cấp độ chịu bụi (Tiêu chuẩn IP)		Các loại thanh gá : Theo chuẩn IP20									

▪ Các model 400 VAC

Model 3G3RX-		A4055	A4075	A4110	A4150	A4185	A4220	A4300	A4370	A4450	A4550
Điện nguồn	Điện áp danh định và tần số	3 pha 380 đến 480V tại 50/60Hz									
	Dao động điện áp cho phép	-15% đến 10%									
	Dao động tần số cho phép	± 5%									
Trọng lượng (kg)		6	6	6	14	14	14	22	30	30	30
Phương thức làm mát		Có quạt làm mát									
Công suất động cơ tối đa (kW)		5,5	7,5	11	15	18,5	22	30	37	45	55
Đặc tính của đầu ra	Công suất đầu ra danh định (kVA)	9,7	13,1	17,3	22,1	26,3	33,2	40,1	51,9	63,0	77,6
	Dòng danh định đầu ra (A)	14	19	25	32	38	48	58	75	91	112
	Điện áp danh định đầu ra (V)	3 pha 380 đến 480V AC (Điện áp đầu ra không thể lớn hơn điện áp đầu vào)									
	Tần số tối đa đầu ra	400 Hz đặt thông số									
Đặc điểm điều khiển	Bộ lọc tích hợp	Phương pháp lọc mịn sóng điều hòa (Zero-phase reactor)									
	Phương thức điều khiển	Điều chế sóng sin bằng độ rộng xung (PWM)									
	Tần số mang	2 – 12kHz									
	Dải kiểm soát tần số	0,5 đến 400 Hz									
	Độ chính xác của tần số	Các lệnh digital : ±0,01% Các lệnh analog: ±0,4% (25 ± 10°C)									
	Độ phân dải của phép đặt tần số	Các lệnh digital: 0,1Hz (nhỏ hơn 100Hz) và 1Hz (100Hz hoặc lớn hơn) Các lệnh analog: 0,06 Hz/ 60Hz (tương đương 1/1000)									
	Độ phân giải của tần số đầu ra	0,01 Hz (độ phân giải dự tính)									
	Công suất quá tải (quá dòng)	150% của dòng đầu ra danh định trong 1 phút									
	Tín hiệu đặt tần số bên ngoài	0 đến 10V và -10V đến + 10V (2kΩ) hoặc 4 đến 20mA (250 Ω) và truyền thông RS-485									
	Thời gian gia tốc / giảm tốc	0,01 đến 3600s (các phép đặt thời gian gia tốc và thời gian giảm tốc độc lập)									
Phanh hãm	Tích hợp điện trở phanh							Phải nối điện trở ngoài			
Đặc tính điện áp/ tần số	Thay đổi theo kiểu điều khiển (V/F, Sensor-less Vector control.....)										
Các chức năng bảo vệ	Bảo vệ động cơ	Bảo vệ dòng tải động cơ.									
	Bảo vệ quá dòng tức thời	Dừng ở xấp xỉ 250% của dòng đầu ra danh định									
	Bảo vệ quá tải	Dừng trong 1 phút tại mức xấp xỉ 150% điện áp đầu ra danh định									
	Bảo vệ vượt quá điện áp	Dừng khi điện áp DC của mạch chính xấp xỉ 820V									
	Bảo vệ khi không đủ điện áp	Dừng khi điện áp DC của mạch chính xấp xỉ 420V									
	Bù ngắt điện tạm thời (chọn)	Dừng 15ms hoặc lâu hơn. nếu đặt biến tần ở chế độ ngắt điện tạm thời thì biến tần sẽ tiếp tục hoạt động trong vòng 0,5s nếu điện được cấp lại.									
	Quá nhiệt cánh toả nhiệt	Phát hiện tại 110 ± 10°C									
	Bảo vệ tiếp đất	Bảo vệ ở mức bảo vệ quá dòng									
Đèn báo nạp	Đèn này sẽ sáng khi điện áp DC của mạch chính đạt xấp xỉ 50V										
Môi trường	Vị trí	Trong nhà (không có khí ăn mòn, bụi dầu, hoặc bụi kim loại)									
	Nhiệt độ bên ngoài	Hoạt động: -10 đến 50°C									
	Độ ẩm bên ngoài	Hoạt động: tối đa 95% (không bị bám hơi nước)									
	Nhiệt độ bên ngoài	-20 đến 60°C									
	Độ cao so với mặt nước biển	Tối đa 1000 m									
	Điện trở cách ly	Tối thiểu 5MΩ (Không được thực hiện các phép thử điện trở cách ly hoặc điện áp chịu)									
Chịu rung	Tối đa 9,8 m/s ² giữa 10 đến 20 Hz Tối đa 2,0 m/s ² giữa 20 và 50 Hz										
Cấp độ chịu bụi (Tiêu chuẩn IP)		Các loại thanh gá : Theo chuẩn IP20									